

ĐIỂM NÀY CÓ GÌ SAI SÓT THÌ LIÊN HỆ MAIL:nhatphong0207@yahoo.com
PHẢN ÁNH GHI RÕ CỤ THỂ HOẶC TRỰC TIẾP ĐẾN PHÒNG ĐÀO TẠO GIẢI
QUYẾT

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ K13XDD
TÊN HỌC PHẦN: KẾT CẤU NHÀ BTCT
MÃ HỌC PHẦN: CIE - 426

HỌC KỲ 8
TÍN CHỈ 2
LẦN THI 1

Ngày thi: 12/06/2011

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15			15		15			55	100			
1	112210274	NGUYỄN DUY	NHÂN	K13XDD1	7.5			3		3			5	4.8	Bầu pháp Tâm		
2	122210231	LÊ VĂN	ĐẠT	K13XDD1	5.6			5		4			2.5	0.0	Khăng		
3	122210255	PHAN HỒNG	HẢI	K13XDD1	0			0		0			HP	0.0	Khăng		
4	122210280	HỒ VĂN	LŨY	K13XDD1	5.9			0		0			V	0.0	Khăng		
5	122210316	ĐỖ BÁ	THIỆN	K13XDD1	6.9			7		5			5.3	5.8	Nằm pháp Tâm		
6	122214411	LÊ XUÂN	LỘC	K13XDD1	7.5			6		4.5			4.5	5.2	Nằm pháp Hai		
7	132214404	TRẦN PHƯỚC	ANH	K13XDD1	9.4			8.5		7.5			7.5	7.9	Bảy pháp Chên		
8	132214405	HOÀNG ĐỨC	ẢNH	K13XDD1	9.4			8.5		7.5			4.5	6.3	Sầu pháp Ba		
9	132214409	TRƯƠNG NGUYỄN QU	BẢO	K13XDD1	10			8.5		8			6.5	7.6	Bảy pháp Sầu		
10	132214410	PHẠM THỊ	BÍCH	K13XDD1	10			8		5			8	7.9	Bảy pháp Chên		
11	132214417	PHAN XUÂN	CHIẾN	K13XDD1	8.1			6		6.5			7	6.9	Sầu pháp Chên		
12	132214418	NGUYỄN VĂN	CHINH	K13XDD1	6.9			0		2			7	5.2	Nằm pháp Hai		
13	132214434	NGUYỄN VĂN	DŨNG	K13XDD1	8.8			8		7			7.5	7.7	Bảy pháp Bảy		
14	132214437	QUÁCH HOÀNG	DŨNG	K13XDD1	10			8.5		7			6.5	7.4	Bảy pháp Bầu		
15	132214443	NGUYỄN VĂN	HẢI	K13XDD1	10			8.5		7.5			8	8.3	Tâm pháp Ba		
16	132214448	HOÀNG TRUNG	HIẾU	K13XDD1	8.8			7.5		5			5.5	6.2	Sầu pháp Hai		
17	132214451	NGUYỄN TIẾN	HÙNG	K13XDD1	7.8			8		6			7	7.1	Bảy pháp Mất		
18	132214454	PHAN VĂN	HOÀI	K13XDD1	7.5			7		4			6.5	6.4	Sầu pháp Bầu		
19	132214458	NGUYỄN VĂN	HOÀNG	K13XDD1	8.8			9		6			6	6.9	Sầu pháp Chên		
20	132214472	NGUYỄN CAO	HƯỞNG	K13XDD1	10			10		4.5			4.5	6.2	Sầu pháp Hai		
21	132214478	NGUYỄN DUY	KHÁNH	K13XDD1	8.8			8		8.5			8	8.2	Tâm pháp Hai		
22	132214487	VĂN CÔNG	LẬP	K13XDD1	10			6		6			3.5	0.0	Khăng		
23	132214492	NGUYỄN VIỆT	LONG	K13XDD1	8.8			7		6			7.5	7.4	Bảy pháp Bầu		
24	132214498	NGUYỄN KIM	MAU	K13XDD1	9.4			6		6.5			6	6.6	Sầu pháp Sầu		
25	132214503	NGUYỄN XUÂN THÁI	NGỌC	K13XDD1	8.8			8		5			6.5	6.8	Sầu pháp Tâm		
26	132214507	LÊ VĂN	NHÂN	K13XDD1	9.4			7		8.5			6.5	7.3	Bảy pháp Ba		
27	132214508	NGUYỄN HỮU THÀNH	NHÂN	K13XDD1	5			7		5.5			4.5	5.1	Nằm pháp Mất		
28	132214514	NGUYỄN NGUYỄN	PHÁT	K13XDD1	9.4			8		5.5			7.5	7.6	Bảy pháp Sầu		
29	132214520	ĐẶNG VĂN BẢO	PHƯỚC	K13XDD1	10			8.5		4.5			8	7.9	Bảy pháp Chên		
30	132214524	ĐẶNG MINH	PHƯƠNG	K13XDD1	9.4			6		6.5			8	7.7	Bảy pháp Bảy		
31	132214529	LÊ	QUÂN	K13XDD1	6.6			7.5		4.5			7	6.6	Sầu pháp Sầu		
32	132214535	NGUYỄN CÔNG	QUANG	K13XDD1	5			0		3			V	0.0	Khăng		
33	132214540	HỒ NGỌC	SẮC	K13XDD1	8.8			8		5			4	5.5	Nằm pháp Nằm		
34	132214543	HUỖNH LINH	SƠN	K13XDD1	8.1			7.5		4.5			5.5	6.0	Sầu		
35	132214545	TRẦN BẢO	SƠN	K13XDD1	0.6			3.5		3			2	0.0	Khăng		
36	132214550	TRƯƠNG ĐÌNH	TÂN	K13XDD1	9.4			8		6.5			2.5	0.0	Khăng		
37	132214555	NGUYỄN ĐỨC	THẮNG	K13XDD1	4.4			3		4			4.5	4.2	Bầu pháp Hai		
38	132214560	PHAN ĐÌNH	THÀNH	K13XDD1	1.3			0		3			V	0.0	Khăng		
39	132214574	NGUYỄN	THƯƠNG	K13XDD1	10			9		6.5			7.5	8.0	Tâm		
40	132214575	PHẠM MINH	TIẾP	K13XDD1	2.5			0		4.5			4	3.3	Ba pháp Ba		

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ K13XDD

TÊN HỌC PHẦN: KẾT CẤU NHÀ BTCT

HỌC KỲ 8

MÃ HỌC PHẦN : CIE - 426

TÍN CHỈ 2

Ngày thi: 12/06/2011

LẦN THI 1

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15			15		15			55	100			
41	132214581	NGUYỄN TIẾN TOÀN	K13XDD1	8.1			7.5		5			6.5	6.7	Sau pháp Baý			
42	132214587	VÔ CÔNG TRÚ	K13XDD1	7.8			3		3			6	5.4	Nằm pháp Bấu			
43	132214592	MAI HOÀNG TRUNG	K13XDD1	9.4			8		7.5			5.5	6.8	Sau pháp Tăm			
44	132214596	NGUYỄN THANH TRƯỜNG	K13XDD1	9.1			8		8			3.5	0.0	Khăng			
45	132214601	NGUYỄN KIM TUẤN	K13XDD1	8.1			7		5.5			5	5.8	Nằm pháp Tăm			
46	132214606	NGUYỄN TIẾN TÙNG	K13XDD1	1.3			0		5			HP	0.0	Khăng			
47	132214612	NGUYỄN XUÂN VÀNG	K13XDD1	9.4			8.5		6.5			8	8.1	Tăm pháp Mất			
48	132214616	TRẦN HOÀNG VIỆT	K13XDD1	10			8.5		7			6	7.1	Baý pháp Mất			
49	132214620	TRẦN VĂN VINH	K13XDD1	8.8			8.5		6.5			5	6.3	Sau pháp Ba			
50	132214624	NGUYỄN MINH VƯƠNG	K13XDD1	9.4			8.5		5.5			6.5	7.1	Baý pháp Mất			
51	132214633	TRƯƠNG VIỆT LONG	K13XDD1	8.8			7.5		8			5.3	6.6	Sau pháp Sau			
52	112210240	LÊ BÁ CHIẾN	K13XDD2	8.5			7.5		5			4.5	5.6	Nằm pháp Sau			
53	122210320	LƯU VĂN THUẬN	K13XDD2	7.5			5		6			3	0.0	Khăng			
54	132214402	BÙI TUẤN ANH	K13XDD2	9.4			8.5		6.5			7.5	7.8	Baý pháp Tăm			
55	132214412	PHAN THANH BÌNH	K13XDD2	9.4			9		10			6.5	7.8	Baý pháp Tăm			
56	132214430	TRẦN ANH ĐỨC	K13XDD2	9.4			8		6.5			5	6.3	Sau pháp Ba			
57	132214435	TRẦN VIỆT DŨNG	K13XDD2	4.7			7		5.5			5.5	5.6	Nằm pháp Sau			
58	132214446	CAO HUY HIẾN	K13XDD2	5.9			0		3.5			5.5	4.4	Bấu pháp Bấu			
59	132214449	NGUYỄN VŨ VIỆT HIẾU	K13XDD2	10			8.5		4			5.3	6.3	Sau pháp Ba			
60	132214455	CAO THANH HOÀN	K13XDD2	8.4			7.5		7			6.5	7.0	Baý			
61	132214460	VĂN NGỌC HOÀNG	K13XDD2	9.4			5		4.5			6	6.1	Sau pháp Mất			
62	132214465	NGUYỄN HỮU HÙNG	K13XDD2	8.8			7.5		3.5			4.5	5.4	Nằm pháp Bấu			
63	132214471	TRẦN XUÂN HƯNG	K13XDD2	9.4			8		7.5			8	8.1	Tăm pháp Mất			
64	132214479	VÔ ĐÌNH KHÁNH	K13XDD2	9.4			9.5		7			9	8.8	Tăm pháp Tăm			
65	132214483	HOÀNG KHUYNH	K13XDD2	10			9		6.5			7	7.7	Baý pháp Baý			
66	132214494	NGUYỄN THANH LUÂN	K13XDD2	9.4			8		9			5.5	7.0	Baý			
67	132214499	TRẦN ĐÌNH DUY MINH	K13XDD2	1.3			0		4			V	0.0	Khăng			
68	132214502	VŨ HOÀI NAM	K13XDD2	6.6			5		5.5			7.8	6.9	Sau pháp Chên			
69	132214504	TRẦN NGỌC	K13XDD2	10			8.5		5.5			7	7.5	Baý pháp Nằm			
70	132214515	NGUYỄN HÙNG PHI	K13XDD2	9.4			8		6.5			4	5.8	Nằm pháp Tăm			
71	132214523	ĐẶNG NGỌC PHƯỚC	K13XDD2	9.4			8		6.5			5.5	6.6	Sau pháp Sau			
72	132214530	NGUYỄN VĂN QUÂN	K13XDD2	5.6			0		3			HP	0.0	Khăng			
73	132214536	TRẦN ĐÌNH QUỐC	K13XDD2	8.1			7		7			6.5	6.9	Sau pháp Chên			
74	132214541	LÊ MINH SANG	K13XDD2	1			0		3			HP	0.0	Khăng			
75	132214546	TRẦN QUỐC SƠN	K13XDD2	10			9.5		6.5			7	7.8	Baý pháp Tăm			
76	132214551	ĐẶNG VIỆT THÀNH	K13XDD2	10			9.5		5.5			8.5	8.4	Tăm pháp Bấu			
77	132214554	LÊ HUY THẮNG	K13XDD2	9.4			7		4.5			2	0.0	Khăng			
78	132214556	NGUYỄN THỌ THẮNG	K13XDD2	3.8			0		3.5			V	0.0	Khăng			
79	132214558	HOÀNG KIM THÀNH	K13XDD2	8.8			7.5		6			4.5	5.8	Nằm pháp Tăm			
80	132214565	NGUYỄN TRƯỜNG THIỆN	K13XDD2	10			8.5		7			6.5	7.4	Baý pháp Bấu			
81	132214569	HUỶNH DUY THUẬN	K13XDD2	8.8			7.5		6.5			5.8	6.6	Sau pháp Sau			
82	132214571	BÙI ĐÌNH THỰC	K13XDD2	10			8		6.5			4	5.9	Nằm pháp Chên			
83	132214576	LÊ NHẤT TÍNH	K13XDD2	10			8		8.5			6	7.3	Baý pháp Ba			

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
PHÒNG ĐÀO TẠO

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ K13XDD

TÊN HỌC PHẦN: KẾT CẤU NHÀ BTCT

HỌC KỲ 8

MÃ HỌC PHẦN : CIE - 426

TÍN CHỈ 2

Ngày thi: 12/06/2011

LẦN THI 1

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)										ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15			15		15			55	100			
84	132214586	TRẦN DUY	TRINH	K13XDD2	5			6.5		2			5.5	5.1	Nằm pháy Mắt		
85	132214588	HOÀNG ĐÌNH	TRUNG	K13XDD2	7.5			6.5		5			6	6.2	Sầu pháy Hai		
86	132214591	PHAN THANH	TRUNG	K13XDD2	8.8			7.5		5			4.3	5.6	Nằm pháy Sầu		
87	132214593	LÊ MẠNH	TRUÔNG	K13XDD2	5.9			8.5		3.5			3	0.0	Khăng		
88	132214597	NGUYỄN HỮU	TÚ	K13XDD2	10			7.5		8			6	7.1	Báy pháy Mắt		
89	132214602	PHẠM THANH	TUẤN	K13XDD2	8.4			7		6.5			4.8	5.9	Nằm pháy Chên		
90	132214607	TRẦN SƠN	TÙNG	K13XDD2	8.8			8.5		7			8.3	8.2	Tằm pháy Hai		
91	132214613	NGÔ THÀNH	VIÊN	K13XDD2	8.8			7.5		7			6	6.8	Sầu pháy Tằm		
92	132214619	PHAN QUANG	VINH	K13XDD2	8.4			7		4.5			8	7.4	Báy pháy Bấu		
93	132214621	ĐỖ ANH	VŨ	K13XDD2	6.9			4		3.5			3.5	0.0	Khăng		
94	132214626	DƯƠNG LÊ	VƯƠNG	K13XDD2	8.8			7		6.5			6	6.6	Sầu pháy Sầu		
95	132214629	NGUYỄN THÁI	NGUYỄN	K13XDD2	7.5			7.5		6			5.8	6.3	Sầu pháy Ba		
96	132214637	HỒ THÀNH	TRUNG	K13XDD2	8.8			6.5		3			2	0.0	Khăng		
97	132214783	PHAN NHẬT	QUANG	K13XDD2	7.5			7.5		4.5			4.8	5.6	Nằm pháy Sầu		
98	112210234	PHAN THẾ	DIỆP	K13XDD3	0			0		0			V	0.0	Khăng		
99	112210259	DƯƠNG MINH	HÙNG	K13XDD3	3			6		6			4	4.5	Bấu pháy Nằm		
100	122210249	NGUYỄN MẠNH	DŨNG	K13XDD3	2			6		6			6	5.4	Nằm pháy Bấu		
101	122210336	VÔ XUÂN	VINH	K13XDD3	4			6		6			4	4.6	Bấu pháy Sầu		
102	122210338	THÁI MINH	VIỆT	K13XDD3	9			9		7			6	7.1	Báy pháy Mắt		
103	132214403	PHẠM QUỐC	ANH	K13XDD3	8			8		6			4	5.5	Nằm pháy Nằm		
104	132214420	NGUYỄN CÔNG	CƯỜNG	K13XDD3	9			9		7			5	6.5	Sầu pháy Nằm		
105	132214421	NGUYỄN PHÚC	CƯỜNG	K13XDD3	8			7		6			5	5.9	Nằm pháy Chên		
106	132214424	ĐẶNG CÔNG	DIỆP	K13XDD3	9			9		7			6	7.1	Báy pháy Mắt		
107	132214426	LÊ DOÃN	DOANH	K13XDD3	8			8		7			6	6.8	Sầu pháy Tằm		
108	132214428	NGUYỄN ĐẠI	ĐỨC	K13XDD3	9			9		7			4	6.0	Sầu		
109	132214432	LÂM VĂN	DŨNG	K13XDD3	9			9		7			4	6.0	Sầu		
110	132214433	LÊ DUY	DŨNG	K13XDD3	8			8		6			4	5.5	Nằm pháy Nằm		
111	132214438	BÙI ĐẠI	DƯƠNG	K13XDD3	9			9		7			4	6.0	Sầu		
112	132214450	PHAN BÁ	HIẾU	K13XDD3	8			8		7			4	5.7	Nằm pháy Báy		
113	132214461	NGUYỄN TRUÔNG	HỒNG	K13XDD3	9			9		7			5	6.5	Sầu pháy Nằm		
114	132214463	HÀ XUÂN	HÙNG	K13XDD3	4			5		6			HP	0.0	Khăng		
115	132214474	KHÚC VĂN	HUY	K13XDD3	6			8		7			6	6.5	Sầu pháy Nằm		
116	132214490	VĂN ĐÌNH	LỘC	K13XDD3	9			9		7			6	7.1	Báy pháy Mắt		
117	132214495	NGUYỄN VĂN	LUÂN	K13XDD3	9			9		7			7	7.6	Báy pháy Sầu		
118	132214497	NGUYỄN VĂN	MÃO	K13XDD3	9			9		7			5	6.5	Sầu pháy Nằm		
119	132214505	NGUYỄN HOÀNG	NGUYỄN	K13XDD3	8			8		7			5	6.2	Sầu pháy Hai		
120	132214519	ĐỖ QUANG	PHỤNG	K13XDD3	9			9		7			3	0.0	Khăng		
121	132214527	NGUYỄN THANH	PHƯƠNG	K13XDD3	9			9		7			5	6.5	Sầu pháy Nằm		
122	132214539	NGUYỄN DƯƠNG	QUYỀN	K13XDD3	5			5		6			5	5.2	Nằm pháy Hai		
123	132214542	TRẦN NHẬT	SANH	K13XDD3	8			8		6			6	6.6	Sầu pháy Sầu		
124	132214547	ĐỖ THẾ	SỰ	K13XDD3	7			6		7			5	5.8	Nằm pháy Tằm		
125	132214552	PHAN VĨNH	THẠCH	K13XDD3	8			8		6			5	6.1	Sầu pháy Mắt		
126	132214557	HUỲNH VĂN	THANH	K13XDD3	8			8		7			4	5.7	Nằm pháy Báy		

Ngày thi: 12/06/2011

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)								ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú	
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ		CHỮ
					15			15		15			55	100		
127	132214563	NGUYỄN SỸ	THÀNH	K13XDD3	9			9		7			4	6.0	Sầu	
128	132214568	PHAN ĐÌNH	THOẠI	K13XDD3	9			9		7			6	7.1	Báý pháý Mấú	
129	132214573	CÙ HOÀNG	THƯƠNG	K13XDD3	8			7		6			5	5.9	Nàm pháý Chèn	
130	132214577	DUƠNG	TÍNH	K13XDD3	8			7		6			5	5.9	Nàm pháý Chèn	
131	132214585	HỒ MINH	TRIỀU	K13XDD3	7			7		6			4	5.2	Nàm pháý Hai	
132	132214589	NGÔ VĂN	TRUNG	K13XDD3	8			7		6			4	5.4	Nàm pháý Bấú	
133	132214594	TRẦN ĐÌNH	TRƯỜNG	K13XDD3	9			9		7			5	6.5	Sầu pháý Nàm	
134	132214595	NGUYỄN NHẬT	TRƯỜNG	K13XDD3	4			5		6			4	4.5	Bấú pháý Nàm	
135	132214598	TRẦN VIỆT	TUÂN	K13XDD3	9			9		7			4	6.0	Sầu	
136	132214603	NGUYỄN MẠNH	TUÂN	K13XDD3	9			9		7			5	6.5	Sầu pháý Nàm	
137	132214605	NGUYỄN THANH	TÙNG	K13XDD3	3			6		6			5	5.0	Nàm	
138	132214628	LÊ ANH	XUÂN	K13XDD3	4			5		6			5	5.0	Nàm	
139	132214632	DUƠNG HỮU	NHẬT	K13XDD3	8			7		7			6	6.6	Sầu pháý Sầu	
140	132214636	NGUYỄN ĐÌNH	LONG	K13XDD3	8			7		6			5	5.9	Nàm pháý Chèn	
141	132214638	NGUYỄN XUÂN	HÙNG	K13XDD3	8			7		6			4	5.4	Nàm pháý Bấú	
142	132214639	VÕ HỒNG	MINH	K13XDD3	7			6		6			4	5.1	Nàm pháý Mấú	
1	0319	DUƠNG TẤN	TOÀN	K11XD	5			7		5.5			6	6.0	Sầu	
2	0226	DUƠNG ĐO THỊ QUỲN	NHƯ	T13XDD1	5			6		7			4.5	5.2	Nàm pháý Hai	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	121	84%	
2	Số sinh viên nợ	23	16%	
TỔNG CỘNG :		144	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 06 năm 2011
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Kim Đức

Trương Văn Tâm

ThS. Nguyễn Quốc Lâm

ThS. Nguyễn Hữu Phú